TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 33/2026/ HNGĐ-ST**
**Ngày: 10 - 02 -2026**
**"V/v Ly hôn giữa bà T và ông T1"**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- ĐỒNG THÁP**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **TRẦN TÚ ANH**
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông **DƯƠNG THANH PHƯƠNG**
2. Bà **NGUYỄN THỊ XUÂN MAI**

*- Thư ký phiên tòa*: Ông **BÙI QUỐC HIỂN**- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4- Đồng Tháp.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Đồng Tháp tham gia phiên tòa*: Không tham gia.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4- Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hồng T,** sinh ngày 25/4/1982.
Nơi cư trú: tổ 8, ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang
Nay là: ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

*2. Bị đơn:* Ông **Phan Văn T1**, sinh năm 1978.
Nơi cư trú: tổ 8, ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang
Nay là: ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

( Bà T xin vắng mặt, ông T1 vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:*** Bà và ông T1 tổ chức lễ cưới năm 2003 và đăng ký kết hôn ngày 21/8/2003 tại Uỷ ban nhân dân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang ( nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Tháp). Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau làm

cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện mâu thuẩn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn ông T1.

Con chung: Bà và ông T1 có 01 người con chung tên Phan Thị Thủy T2, sinh ngày 02/11/2003. Hiện đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

***- Bị đơn ông Phan Văn T1 dù được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không có lời trình bày***.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông T1. Do đó xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã L, tỉnh Đồng Tháp nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân Khu vực 4- Đồng Tháp theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15.

[ 1.3] Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T có đơn xin vắng mặt với lý do bận đi làm; đối với bị đơn ông Phan Văn T1 dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà T và ông T1 tiến đến hôn nhân năm 2003 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước. Tuy nhiên, ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẩn và ly thân. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vả. Bà T xác định không còn tình cảm với ông T1 nên kiên quyết ly hôn. Đối với ông T1 dù được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải, xét xử nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Chứng tỏ ông cũng không thiết tha hàn gắn, đoàn tự với bà T. Từ đó cho thấy mâu thuẩn vợ chồng ông bà đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho bà T được ly hôn với ông Tiếng L phù hợp với qui định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 01 con chung nhưng đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Tài sản chung: Bà T không tranh chấp nên cũng không xem xét giải quyết.

[2.4]. Nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng T.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với ông Phan Văn T1.

2. Về con chung: Đã thành niên, không xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung: Không tranh chấp

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008768 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp xem như thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T, ông T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND Khu vực cùng cấp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- **UBND xã L;**
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TRẦN TÚ ANH**